TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST
Ngày: 28/5/2020
"V/v Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Văn Dũng và Bà Trần Thị Minh Thâm.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019, về việc *"Đòi lại tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 475/TB-TA, ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 654/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân P.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim B - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Trần Thị L (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Dương Khánh H (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn **N**, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại bản tự khai ngày 23/8/2019, ngày 11/02/2020 và trong quá trình xét xử, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Kim B trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 1095/HĐTD-CN2006, ngày 17/12/2004, bà Trần Thị L và người thừa kế là con bà L, ông Dương Khánh H đến Quỹ tín dụng nhân dân P vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng, mục đích vay là chăn nuôi. Hình thức bảo đảm tiền vay, cho vay có bảo đảm bằng tài sản, tài sản bảo đảm nợ vay gồm: Đơn xin xác nhận nhà ở. Ngày

17/12/2005 bà L đã làm thủ tục xin gia hạn đến ngày 17/12/2006 và ngày 30/5/2006 bà L đã trả 600.000đ tiền lãi.

Đến nay khoản vay của hợp đồng tín dụng trên đã quá hạn, Quỹ tín dụng nhân dân P đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo trong việc trả nợ quá hạn nhưng bà L, ông H vẫn không chịu trả nợ gốc và lãi theo như cam kết.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước buộc vợ chồng bà Trần Thị L và con bà L là ông Dương Khánh H, phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân P. Cụ thể, nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn từ ngày 17/12/2004 đến ngày 17/12/2006 là 3.046.000đ, ngày 30/5/2006 bà L đã trả 600.000đ tiền lãi; nên bà L còn nợ 2.446.000đ tiền lãi trọng hạn, tổng cộng cả gốc và lãi là 12.446.000đ. Trước đây Quỹ tín dụng nhân dân P có yêu cầu tính lãi suất quá hạn 6.660.000đ, nhưng nay ông xin rút lại yêu cầu này. Ông chỉ yêu cầu bà L, ông H trả nợ gốc và nợ lãi trong hạn, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn.

* Bị đơn bà Trần Thị L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Khánh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà L, ông H vẫn vắng mặt.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đơn khởi kiện đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Khánh H không chấp hành các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 1095/HĐTD-CN2004, ngày 17/12/2004 thì thời hạn vay là 12 tháng, sau đó hai bên làm thủ tục gia hạn thêm 12 tháng nữa là đến ngày 17/12/2006; Từ đó đến nay Qũy tín dụng không cung cấp chứng cứ đòi nợ liên tục, phía bị đơn cũng không có chứng cứ xác nhận lại khoản nợ trên. Từ năm 2006 đến năm 2019 Qũy tín dụng mới khởi kiện tại Tòa nên thời hiệu khởi kiện về vay tài sản đã hết thời hiệu theo qui định tại các Điều 184 BLTTDS năm 2015 nên Tòa chấp nhận Qũy tín dụng khởi kiện về việc đòi lại tài sản là tiền gốc bà L vay 10.000.000 đồng và lãi trong hạn là có căn cứ theo qui định tại Điều 23 Nghị quyết 03/2012 ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, cho nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là có căn cứ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là bà Trần Thị L, cư trú tại thôn **N,** xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo qui định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Khánh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu bà Trần Thị L và ông Dương Khánh H trả nợ vay gồm 10.000.000đ tiền gốc và 2.446.000đ tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 17/12/2004 giữa mẹ con bà Trần Thị L, ông Dương Khánh H và Quỹ tín dụng nhân dân P có thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền là hợp đồng tín dụng số 1095/HĐTD-CN2004, số tiền vay 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 1,25%/tháng, chuyển sang quá hạn lãi suất 1,875%/tháng. Khi đến hạn ngày 17/12/2005 bà L đã làm thủ tục gia hạn thêm 12 tháng đến ngày 17/12/2006, sau đó đến ngày 30/5/2006 bà L trả được 600.000đ tiền lãi. Từ đó đến nay bà L, ông H không trả nợ gốc và lãi còn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện theo pháp luật của nguyên đơn yêu cầu bà L, ông H phải trả nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi trong hạn còn lại 2.446.000đ, nợ lãi quá hạn 6.660.000đ. Nhưng tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu bà L, ông H trả nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 2.466.000đ, tổng cộng 12.466.000đ, không yêu cầu trả nợ lãi quá hạn là phù hợp qui định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặc khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, mẹ con bà L, ông H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối đến Tòa và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, hoặc văn bản trình bày ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đều này chứng minh mẹ con bà L, ông H mặc nhiên thừa nhận số nợ 12.466.000đ như Quỹ tín dụng nhân dân P yêu cầu là sự thật.

Từ những nhận định nên trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc mẹ con bà L, ông H phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P 12.466.000đ, trong đó nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi trong hạn 2.466.000đ là phù hợp với qui định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Tài sản bảo đảm nợ vay là Đơn xin xác nhận nhà ở không phải là tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay, nên Tòa không xét.

Bà L, ông H không đến Tòa và không có yêu cầu gì nên Tòa không xét.

[3] Về án phí: Bà L, ông H phải chịu 5% của số nợ phải trả là: 12.466.000đ x 5% = 622.000đ, sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P 490.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003120, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân P.

Buộc bà Trần Thị L và ông Dương Khánh H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân P số tiền 12.446.000đ *(Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng),* trong đó, nợ gốc: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng),* nợ lãi trong hạn 2.446.000đ *(Hai triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L và ông Dương Khánh H phải chịu 622.000đ *(Sáu trăm hai mươi hai ngàn đồng),* sung công quỹ nhà nước.

Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân P 490.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003120, ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Duy Minh